

## HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TRỒNG LÚA LIÊN KẾT THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP TẠI XÃ QUẢNG TIÊN, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Lê Ngọc Phương Quý<sup>1\*</sup>, Dương Thị Thu Hà<sup>1</sup>, Lê Việt Linh<sup>1</sup>, Trần Đức Tuấn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nông Lâm, Đại Học Huế;

<sup>2</sup>Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

\*Tác giả liên hệ: lengocphuongquy@huaf.edu.vn

Nhận bài: 17/05/2022 Hoàn thành phản biện: 23/09/2022 Chấp nhận bài: 12/10/2022

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả mô hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập thông qua phỏng vấn hộ bằng bản hỏi bán cấu trúc với 60 hộ dân trồng lúa tại địa bàn vùng nghiên cứu năm 2020 kết hợp với nguồn số liệu thứ cấp. Trên cơ sở đó, các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường được phân tích để đánh giá hiệu quả của mô hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP và mô hình trồng lúa truyền thống. Kết quả cho thấy, mô hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP góp phần giảm chi phí đầu tư cho nông hộ, tăng năng suất. Giá trị sản xuất của mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 45 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn 6,2 triệu đồng/ha/vụ so với lúa truyền thống. Giá trị gia tăng cũng cao hơn 14,5 triệu đồng/ha/vụ so với lúa truyền thống. Ngoài ra, giá trị ngày công lao động của lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cao hơn so với lúa truyền thống. Việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học cũng góp phần cải tạo môi trường đất. Mô hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đã bước đầu thúc đẩy kinh tế ở quy mô hộ gia đình và đóng góp thúc đẩy thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm lúa gạo ở địa bàn nghiên cứu.

**Từ khóa:** Lúa VietGAP, Hiệu quả sản xuất, Quảng Bình, Liên kết

## THE EFFICIENCY OF RICE PRODUCTION THROUGH VERTICAL INTEGRATION TOWARD VIETGAP STANDARDS IN QUANG TIEN COMMUNE, BA DON TOWN, QUANG BINH PROVINCE

Le Ngoc Phuong Quy<sup>1\*</sup>, Duong Thi Thu Ha<sup>1</sup>, Le Viet Linh<sup>1</sup>, Tran Duc Tuan<sup>2</sup>

<sup>1</sup>University of Agriculture and Forestry, Hue University;

<sup>2</sup>People's Committee of Quang Tien Commune.

### ABSTRACT

This study aims to assess the efficiency of rice production through vertical integration toward VietGAP standards. We used empirical evidence from Quang Tien commune, Ba Don town, Quang Binh province. Data was collected from the semi-structured interview with 60 households at the study site in 2020 combined with the secondary data. We used the indicators for assessing land use - society - environment efficiency to analyze both rice production models' efficiency. The findings show that the rice production through vertical integration toward VietGAP reduced investment costs and increased productivity. Therefore, the average gross output reached 45 million VND/ha/crop, 6.2 million VND/ha/crop higher than the regular rice land-use type. The average value added was 14.5 million/ha/crop, higher than regular rice. In addition, the average added value per labor of rice production through vertical integration toward VietGAP is higher than regular rice. The use of organic fertilizers and biological pesticides also improves the soil environment. Overall, rice production through vertical integration towards VietGAP contributed to promoting the economy at the household scale and promoted the goal of restructuring agriculture toward sustainable agricultural productivity and added value for rice products in the study area.

**Keywords:** VietGAP rice, Production efficiency, Quang Binh, Vertical integration

## 1. MỞ ĐẦU

Việt Nam đang hướng tới công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước dựa trên con đường chuyển đổi và phát triển nông nghiệp. Đổi mới từ cuối những năm 1980 đã góp phần giúp nước ta gặt hái được nhiều thành tựu trong phát triển nông nghiệp (Hoàng Xuân Phương và cs., 2015). Tuy nhiên, hệ quả của nó là làm gia tăng sự phụ thuộc của ngành nông nghiệp vào các hộ nông dân sản xuất nhỏ lẻ (Ngân hàng thế giới, 2016). Mặc dù lúa là cây trồng chính, quy mô sản xuất trung bình của mỗi hộ chỉ khoảng 0,2 ha, chủ yếu dựa trên thành viên hộ gia đình (Thomas, 2017). Các khu vực trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP, lúa hữu cơ và lúa giống phục vụ mục đích thương mại, xuất khẩu chủ yếu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi đó, tại khu vực đồng bằng sông Hồng và khu vực miền Trung, nông dân chủ yếu trồng trọt lúa truyền thống quy mô hộ gia đình và buôn bán tự phát (Hoàng Xuân Phương và cs., 2015). Điều này đặt ra thách thức cho cả các nhà hoạch định chính sách và nông hộ là làm thế nào sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai trong bối cảnh đô thị hóa và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

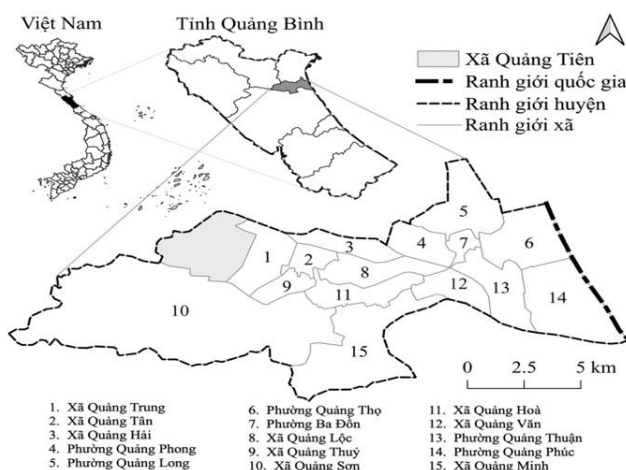
Từ cuối năm 2013 đến nay, mô hình canh tác lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP giữa nông dân và các công ty bao tiêu sản phẩm được triển khai ở nhiều tỉnh miền Trung như một mục tiêu chính của chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp (Ngô Thu Trang và cs., 2020). Đặc biệt, chương trình này kỳ vọng gia tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Tuy nhiên, mô hình canh tác lúa này có hay không mang lại hiệu

quả kinh tế, xã hội và môi trường so với sản xuất lúa truyền thống? Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện tại xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, nơi nông dân đang được khuyến khích tham gia vào mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP từ đầu năm 2019.

## 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Mô tả vùng nghiên cứu

Quảng Tiên là một trong những xã nông thôn thuộc thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Hình 1). Dân số của xã năm 2020 là 4.879 người với 1.308 hộ dân. Dân số trong độ tuổi lao động là 2.825 người, trong đó, lao động nông nghiệp chiếm hơn 70%. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã là 331,5 ha, chủ yếu là đất trồng lúa với diện tích là 218,5 ha (chiếm 65,9% trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã) (Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiên, 2020). Nông nghiệp trên địa bàn xã chủ yếu là chuyên canh cây lúa truyền thống ở quy mô hộ gia đình. Tuy nhiên, từ năm 2019 cho đến nay, thực hiện chủ trương khuyến khích liên kết sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hướng đến mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương, một số hộ dân trên địa bàn đã bắt đầu chuyển sang loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP. Thực trạng sản xuất của một số loại cây trồng chính trên địa bàn xã Quảng Tiên được trình bày trong Bảng 1. Ngoài một số cây trồng hàng năm như khoai lang, ngô, rau, lúa vẫn là cây trồng chính mang lại thu nhập và đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn xã.



**Hình 1.** Sơ đồ vị trí vùng nghiên cứu, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Nguồn: Tác giả

**Bảng 1.** Tình hình sản xuất của một số cây trồng chính trên địa bàn xã Quảng Tiên

| Loại cây trồng | 2016      |           | 2018     |         | 2020     |         |
|----------------|-----------|-----------|----------|---------|----------|---------|
|                | (ha/năm)* | (tạ/ha)** | (ha/năm) | (tạ/ha) | (ha/năm) | (tạ/ha) |
| Lúa            | 361,0     | 56,3      | 389,0    | 60,1    | 390,0    | 58,4    |
| Khoai lang     | 60,0      | 78,0      | 58,0     | 83,5    | 60,0     | 86,0    |
| Ngô            | 27,0      | 50,0      | 29,0     | 55,2    | 28,0     | 57,1    |
| Rau            | 32,0      | 92,8      | 31,0     | 101,3   | 34,0     | 100,9   |

\* Diện tích gieo trồng 2 vụ/năm.

\*\* Năng suất trung bình cả năm.

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Quảng Trạch - Ba Đồn (2020)

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Dữ liệu phân tích trong nghiên cứu bao gồm cả nguồn dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. (i) Dữ liệu thứ cấp được thu thập tại UBND xã Quảng Tiên và chi cục thống kê Quảng Trạch-Ba Đồn, gồm các báo cáo liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng đất; báo cáo tình hình kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020 và niên giám thống kê thị xã Ba Đồn năm 2020. Ngoài ra, một số thông tin liên quan đến hiện trạng ngành nông nghiệp và mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cũng được thu thập thông qua sách chuyên khảo và bài báo khoa học. (ii) Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn hộ bằng bản hỏi bán cấu trúc phi ngẫu nhiên 60 hộ dân trong tổng số 119 hộ nông dân trồng lúa tại thôn Tiên Phan. Đây là thôn đầu tiên trên địa bàn xã Quảng Tiên triển khai mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP giữa nông dân và Tổng công ty Sông Gianh từ năm 2019.

Để làm rõ hiệu quả của mô hình trồng lúa này, mẫu nghiên cứu được chia thành 2 nhóm hộ. Cụ thể, 30 hộ sản xuất lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP và 30 hộ trồng lúa truyền thống. Nội dung phỏng vấn chủ yếu tập trung vào tình hình sử dụng đất và sản xuất của nông hộ.

### 2.2.2. Phương pháp phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng đất

Số liệu thu thập được xử lý bằng Excel (Version 2019) và sử dụng cách tiếp cận định tính để phân tích và làm rõ vấn đề. Bên cạnh đó, để đánh giá hiệu quả của mô hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP, các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường đã được sử dụng. Cụ thể như sau:

#### Chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế

- Giá trị sản xuất (GTSX): là toàn bộ giá trị sản phẩm được sản xuất ra trong kỳ sử dụng đất (thường tính theo 1 năm cho

từng loại cây trồng).  $GTSX = \text{Sản lượng} \times \text{Giá bán sản phẩm}$ .

- Chi phí trung gian (CPTG): là toàn bộ chi phí vật chất được quy đổi ra bằng tiền để sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất (chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), thuê máy móc,...).  $CPTG = \text{Tổng chi phí vật tư} + \text{Tổng chi phí công lao động}$ .

- Giá trị gia tăng (GTGT): là giá trị mới được tạo ra trong quá trình sản xuất. Giá trị này được xác định bằng công thức:  $GTGT = GTSX - CPTG$ .

- Hiệu quả kinh tế trên một ngày công lao động (GTNCLĐ): là kết quả lao động cho từng loại hình sử dụng đất và từng loại cây trồng. Giá trị này được quy đổi thành tiền nhằm làm rõ thu nhập của một ngày công lao động. Sử dụng công thức:  $GTNCLĐ = GTGT/LĐ$  để so sánh chi phí cơ hội cho từng lao động.

Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá định lượng bằng tiền theo giá hiện hành năm 2020. Các chỉ tiêu đạt được giá trị càng cao, đồng nghĩa với hiệu quả kinh tế đạt được càng lớn.

#### *Chỉ tiêu về hiệu quả xã hội*

Để đánh giá tiêu chí này, nghiên cứu chủ yếu xem xét dựa trên dữ liệu điều tra từ phỏng vấn nông hộ vì các chỉ tiêu về mặt xã hội thường khó định lượng hoá. Các tiêu chí được đánh giá bao gồm: khả năng thu hút lao động (ngày công lao động), giải quyết việc làm đảm bảo thu nhập thường xuyên cho nông dân (thông qua sử dụng GTNCLĐ để đánh giá), khả năng tiêu thụ sản phẩm của hai kiểu sử dụng đất và sự chấp thuận của người sử dụng đất khi chuyển đổi từ trồng lúa truyền thống sang mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP.

#### *Chỉ tiêu về hiệu quả môi trường*

Hiệu quả môi trường trong nghiên cứu được đánh giá dựa trên một số chỉ tiêu: mức độ sử dụng thuốc BVTV, phân bón trong quá trình canh tác và sự ảnh hưởng của việc trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP và lúa truyền thống đến môi trường đất dựa trên quan điểm và ý kiến của nông dân.

### **3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

#### **3.1. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa**

Bảng 2 cho thấy, diện tích đất và loại hình sử dụng đất trồng lúa đã dần có sự thay đổi trong giai đoạn 2016 đến 2020. Năm 2016, diện tích đất trồng lúa trên địa bàn xã là 216,1 ha, chủ yếu sử dụng trồng lúa truyền thống trong quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ. Để góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giảm thiểu tối đa tình trạng manh mún ruộng đất, từ đầu năm 2016, xã đã tiến hành thực hiện chương trình dồn điền đổi thửa. Bên cạnh việc điều chỉnh diện tích đất và hình thể của từng thửa, công tác chỉnh trang nội đồng đã được triển khai. Do đó, một phần diện tích đất trồng lúa (từ năm 2017 đến năm 2020) đã bị giảm do quy hoạch sang làm đất giao thông, thủy lợi nội đồng và thực hiện dự án đường giao thông Quảng Hải-Lạc Giao. Từ 2019, dưới định hướng của UBND xã, 7,6 ha đất trồng lúa của 119 hộ dân thôn Tiên Phan đã chuyển sang loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP dưới hình thức chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm với Tổng công ty Sông Gianh. Đến năm 2020, tổng diện tích đất chuyển đổi từ trồng lúa truyền thống sang trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP là 64,6 ha, với sự tham gia của 1.196 hộ dân. Mô hình này được nhân rộng không chỉ ở địa bàn thôn Tiên Phan mà còn ở một số thôn khác trên địa bàn xã Quảng Tiên như: thôn Tiên Sơn, thôn Long Trung, thôn Trường Thọ. Mô hình canh tác mới này đã dẫn đến những thay đổi nhất định trong việc sản xuất và sử dụng đất trồng lúa của các hộ dân.

**Bảng 2.** Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa xã Quảng Tiên

| Năm  | Diện tích đất trồng lúa (ha) |                            |                                       |
|------|------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|
|      | Tổng                         | Đất trồng lúa truyền thống | Đất trồng lúa theo tiêu chuẩn VietGAP |
| 2016 | 216,1                        | 216,1                      | 0                                     |
| 2017 | 194,6                        | 194,6                      | 0                                     |
| 2018 | 194,6                        | 194,6                      | 0                                     |
| 2019 | 194,6                        | 187,0                      | 7,6                                   |
| 2020 | 190,6                        | 126,0                      | 64,6                                  |

### 3.2. Mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP dưới hình thức chuỗi liên kết sản xuất

Việc áp dụng mô hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đã góp phần thay đổi đáng kể quá trình sản xuất so với trồng lúa truyền thống. Những thay đổi này cũng góp phần tác động đến hiệu quả sử dụng đất (sẽ thảo luận cụ thể trong phần 3.3). Hình 2 và Bảng 3 cho thấy những khác biệt trong đầu vào, đầu ra và năng suất lúa của hai hình thức sản xuất lúa. Thay vì trồng các giống lúa thường, sử dụng phân bón và thuốc BVTV theo kinh nghiệm truyền thống, 100% nông dân trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP được cung cấp nguồn giống, phân bón và hỗ trợ kỹ thuật từ công ty. Do đó, sản phẩm sản xuất ra đảm bảo được cả năng suất và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, nông dân được thu mua thóc tươi ngay tại ruộng với giá cao hơn giá thóc thường (giá 1 kg lúa tươi liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP tại thời điểm 2020 là 6.000 đồng, giá 1 kg lúa tươi truyền thống

*Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiên (2020)* là 5.500 đồng). Điều này góp phần giúp nông dân giảm được công lao động cho hoạt động phơi sấy và tận dụng được thời gian để tham gia vào một số hoạt động nông nhàn. Việc đảm bảo đầu ra sản phẩm với giá thóc ổn định cũng góp phần bảo vệ nông dân trước những rủi ro của thị trường. Các kết quả này giống với nghiên cứu của Lê Thanh Phong (2015) và Vũ Anh Pháp và cs. (2015) dựa trên bằng chứng thực nghiệm ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình canh tác truyền thống chủ yếu sử dụng phương pháp sạ lan, bón phân theo kinh nghiệm. Điều này gây ra tình trạng lãng phí giống, ảnh hưởng đến môi trường và gia tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, nông dân trồng lúa truyền thống gặp nhiều khó khăn hơn về tiếp cận thông tin khoa học kỹ thuật và thị trường. Việc mua bán không có hợp đồng cũng dẫn tới tình trạng tồn đọng lúa đã thu hoạch hoặc bị thương lái ép giá. Nói cách khác, mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đã bước đầu cho thấy hiệu quả so với mô hình canh tác truyền thống.

**Bảng 3.** Sự khác nhau trong quá trình sản xuất của hai loại hình sử dụng đất trồng lúa

|                     | Loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP   | Loại hình sử dụng đất trồng lúa truyền thống   |
|---------------------|--|--|
| Đầu vào             | Nông dân sử dụng giống DV108 và phân bón hữu cơ do Tổng công ty Sông Gianh cung cấp.<br>Sản xuất dựa trên sự hỗ trợ kỹ thuật từ công ty. | Nông dân sử dụng giống lúa thông thường (DV108 và HT1) và phân bón (hữu cơ và vô cơ), thuốc BVTV dựa trên kinh nghiệm truyền thống.          |
| Đầu ra              | Được công ty thu mua thóc tươi ngay tại thời điểm thu hoạch (6.000 đồng/kg thóc tươi tại thời điểm năm 2020).                            | Tự thu hoạch, phơi thóc và bán theo giá thị trường (5.500 đồng/kg thóc tươi hoặc 6.500 đồng/kg thóc khô) cho thương lái hoặc chợ địa phương. |
| Năng suất bình quân | 75 tạ/ha/vụ  | 59 tạ/ha/vụ  |

*Nguồn: Phỏng vấn hộ (2020)*

### 3.3. Hiệu quả sử dụng đất

#### 3.3.1. Hiệu quả kinh tế

Bảng 4 cho thấy, chi phí đầu tư trung bình trên 1 vụ cho 1 ha đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP thấp hơn 8,4 triệu đồng so với lúa truyền thống. Nguyên nhân chính là do những thay đổi trong quá trình sản xuất (như đã trình bày ở phần 3.2). Cụ thể, chi phí làm đất, thu hoạch, thủy lợi, thuê máy móc không thay đổi giữa hai loại hình sử dụng đất. Tuy nhiên, chi phí giống, phân bón và thuốc BVTV đã có sự thay đổi đáng kể. Dưới sự tư vấn kỹ thuật từ phía công ty, nông hộ sản xuất lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP sử dụng ít giống hơn

nhưng vẫn đảm bảo sạ giống đúng mật độ. Điều này góp phần giảm chi phí đầu tư giống từ 3,2 triệu đồng/ha/vụ xuống còn 1,9 triệu đồng/ha/vụ. Bên cạnh đó, nông dân trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP chỉ sử dụng các loại phân bón và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, bón đúng liều lượng theo hướng dẫn kỹ thuật từ công ty. Do vậy, chi phí liên quan đến phân bón và thuốc BVTV cũng giảm được gần một nửa với giống lúa truyền thống, giảm từ 12,9 triệu đồng/ha/vụ xuống còn 5,9 triệu đồng/ha/vụ.

**Bảng 4.** Hiệu quả kinh tế của hai loại hình sử dụng đất trồng lúa (triệu đồng/ha/vụ)

| Loại hình sử dụng đất                | Giá trị sản xuất | Chi phí trung gian | Giá trị gia tăng | Giá trị sản xuất/Chi phí trung gian (lần) |
|--------------------------------------|------------------|--------------------|------------------|---|
| Lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP | 45,0             | 23,6               | 21,4             | 1,9                                       |
| Lúa truyền thống                     | 38,8             | 32,0               | 6,9              | 1,2                                       |

*Nguồn: Phỏng vấn hộ (2020)*

Chi phí lao động của canh tác lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP và lúa truyền thống cũng phản ánh hiệu quả kinh tế giữa hai loại hình sử dụng đất. Kết quả điều tra thu thập số liệu cho thấy, 2 loại hình sử dụng đất đều sử dụng công lao động từ các thành viên hộ. Công lao động của loại hình trồng lúa truyền thống là 180 công/ha/vụ, công lao động của loại hình trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP là 160 công/ha/vụ. Trên thực tế, ngoài việc tiết kiệm được công

phơi sấy thóc, việc chăm sóc lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cũng đòi hỏi nhiều thời gian do quy trình sản xuất phải đảm bảo không sử dụng thuốc diệt cỏ, trừ sâu,... Do đó, để nâng cao năng suất và đảm bảo chất lượng lúa, nông dân phải bỏ nhiều thời gian cho quá trình khử lẫn, làm cỏ,... (Lê Thanh Phong, 2015). Tuy nhiên, năng suất bình quân của giống lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP (đạt 75 tạ/ha/vụ) cao hơn so nhiều với giống lúa truyền thống (đạt 59 tạ/ha/vụ).

Do đó, lợi nhuận thu được của lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cũng cao hơn so với lúa truyền thống. Các kết quả này cho thấy sự tương đồng về hiệu quả kinh tế của mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP so với nghiên cứu của Vũ Anh Pháp và cs. (2015) ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả của Vũ Anh Pháp và cs. (2015) cho thấy, việc sử dụng giống lúa cấp xác nhận với độ nảy mầm tốt và ít sâu bệnh đã giúp năng suất lúa an toàn cao hơn 2% so với lúa truyền thống. Bên cạnh đó, chi phí sản xuất của lúa an toàn thấp hơn do chi phí giống, phân bón, thuốc BVTV và chi phí lao động thấp hơn lúa truyền thống. Giá bán của lúa an toàn cũng cao hơn 200 VNĐ/kg so với lúa truyền thống. Do vậy, lợi nhuận của lúa an toàn cao hơn lúa truyền thống 28%. Có thể thấy, mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đang đóng góp đáng kể vào việc thúc đẩy kinh tế ở quy mô hộ gia đình.

### 3.3.2. Hiệu quả xã hội

Dựa trên dữ liệu phỏng vấn thực địa, các kết quả trong nghiên cứu này cũng cho thấy loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đã góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trên một ngày công lao động và đáp ứng mức độ hài lòng của nông dân. Mặc dù công lao động của hai loại hình sử dụng đất không chênh lệch quá lớn, tuy nhiên giá trị ngày công lao động của loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cao hơn so với lúa truyền thống (xem Bảng 5). Điều này xuất phát từ

hiệu quả kinh tế (năng suất lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cao hơn, chi phí đầu tư thấp hơn) mà lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP mang lại như đã trình bày ở mục a. Kết quả phỏng vấn sâu một số hộ dân cũng cho biết, mặc dù việc trồng lúa truyền thống chỉ lấy công làm lãi, tuy vậy nó có thể đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và phục vụ chăn nuôi quy mô nhỏ trong gia đình. Điều này giải thích lý do tại sao nông dân vẫn duy trì trồng lúa truyền thống dù GTNCLĐ chỉ đạt 0,8 triệu đồng/ha/vụ. Tuy vậy, 93,3% (28/30 hộ) nông hộ trồng lúa truyền thống cũng cho biết, họ sẵn sàng chuyển sang trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP nếu đất trồng lúa của họ nằm trong vùng chuyển đổi và có đầu ra ổn định. Trong khi đó, việc chuyển sang loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đã giúp nông dân thu được lợi nhuận trên chính thửa đất của gia đình. Giá trị ngày công lao động của lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 2,7 triệu đồng/ha/vụ. 100% nông dân trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cũng cho biết việc họ sẽ tiếp tục duy trì loại hình sản xuất này trong mùa vụ tới. Ngoài ra, nông dân trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP cũng cho biết, việc thu mua thóc tươi ngay tại ruộng giúp họ giảm được thời gian phơi, sấy thóc. Do đó, họ có nhiều thời gian hơn để trồng rau, chăn nuôi nhỏ, làm thợ nề,... cải thiện thu nhập cho hộ gia đình

**Bảng 5.** Hiệu quả xã hội của hai loại hình sử dụng đất trồng lúa (tính trên ha/vụ)

| Loại hình sử dụng đất                | Lao động (công) | Giá trị ngày công lao động (triệu đồng) |
|--------------------------------------|-----------------|---|
| Lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP | 160             | 2,7                                     |
| Lúa truyền thống                     | 180             | 0,8                                     |

*Nguồn: Phỏng vấn hộ (2020)*

### 3.3.3. Hiệu quả môi trường

Hiệu quả môi trường được đánh giá dựa trên so sánh liều lượng nông hộ bón phân thực tế so với liều lượng tiêu chuẩn khuyến cáo và mức độ sử dụng thuốc

BVTV. Sử dụng tiêu chuẩn bón phân khuyến cáo từ nghiên cứu của Nguyễn Văn Đức và cs. (2021), kết quả Bảng 6 và phỏng vấn nông hộ cho thấy, thông qua việc sử dụng các sản phẩm phân bón hữu cơ, loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu



chuẩn VietGAP đã góp phần cải tạo, phục hồi môi trường đất. Từ đó, góp phần bảo vệ môi trường đất, giảm thiểu được tình trạng thoái hoá do lạm dụng phân bón hoá học (Vũ Anh Pháp và cs., 2015). Kết quả phỏng vấn nông hộ cũng cho thấy, 100% nông hộ đều sử dụng thuốc BVTV sinh học dựa trên sự tư vấn của cán bộ kỹ thuật. Trong khi đó, nông hộ trồng lúa truyền thống đều sử dụng lượng phân bón vượt tiêu chuẩn khuyến cáo. Lý giải nguyên nhân này, nông dân cho biết việc sản xuất lúa truyền thống gặp nhiều khó khăn do sâu bệnh, thiên tai và

điều kiện thổ nhưỡng. Do đó, để nâng cao năng suất và đạt được lợi nhuận mong muốn, họ vẫn duy trì cách bón phân theo kinh nghiệm truyền thống. Mặc dù không có tiêu chuẩn sử dụng thuốc BVTV, tuy nhiên kết quả điều tra thực địa cũng cho thấy, 100% nông dân trồng lúa truyền thống đều sử dụng thuốc BVTV (chủ yếu là thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ) dựa trên kinh nghiệm cá nhân. Điều này không chỉ gây ra tác động tiêu cực đến chất lượng nông sản mà còn ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước.

**Bảng 6.** Mức độ sử dụng phân bón thực tế so với tiêu chuẩn khuyến cáo (kg/500m<sup>2</sup>/vụ)

| Loại hình sử dụng đất                | Mức độ bón phân thực tế*   |      |    |             | Tiêu chuẩn khuyến cáo* |                               |                  |             |
|--------------------------------------|--|------|----|-------------|------------------------|-------------------------------|------------------|-------------|
|                                      | N  | NPK  | K  | Phân chuồng | N                      | P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> | K <sub>2</sub> O | Phân chuồng |
| Lúa truyền thống                     | 21   | 23,5 | 11 | 0           | 6-6,5                  | 4-4,5                         | 1,5-3            | 400-500     |
| Lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP | Sử dụng phân bón hữu cơ Sông Gianh (28 kg, tỉ lệ 10-10-8) theo đúng tiêu chuẩn khuyến cáo và giám sát kỹ thuật của Tổng công ty Sông Gianh |      |    |             |                        |                               |                  |             |

\* Phân thương phẩm.

Các kết quả ở Bảng 4, 5, và 6 đã cho thấy việc chuyển đổi sang mô hình trồng lúa an toàn bước đầu mang lại những lợi ích nhất định cho nông dân. Điều này không chỉ góp phần thúc đẩy kinh tế ở quy mô hộ gia đình, mà còn đóng góp vào mục tiêu quy hoạch vùng trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP quy mô lớn ở địa phương. Từ đó, thúc đẩy mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững và nâng cao giá trị gia tăng.

#### 4. KẾT LUẬN

Loại hình sử dụng đất trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP bước đầu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất so với giống lúa truyền thống, góp phần giảm chi phí đầu tư, tăng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng từ đó góp phần nâng cao lợi nhuận cho nông dân. Bên cạnh đó, mặc dù công lao động không chênh lệch đáng kể, nhưng giá trị ngày công lao động của lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP (đạt 2,7 triệu đồng/ha/vụ) cao hơn so với trồng lúa truyền

thống (đạt 0,8 triệu đồng/ha/vụ). Bên cạnh đó, nông dân trồng lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP có đầu ra ổn định. 100% nông dân cũng cho biết sẽ tiếp tục duy trì mô hình lúa liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP trong mùa vụ tới. Ngoài ra, việc sử dụng phân bón hữu cơ và các loại thuốc BVTV sinh học theo đúng tiêu chuẩn khuyến cáo của loại hình sử dụng đất trồng hữu cơ cũng góp phần cải tạo và bảo vệ môi trường đất. Tuy nhiên, mô hình này tỷ lệ các hộ tham gia liên kết sản xuất thấp so với mặt bằng sản xuất chung. Mỗi liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp và nhà phân phối trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vẫn còn lỏng lẻo; sản phẩm chưa tiêu thụ được nhiều và người dân còn tâm lý e ngại chuyển đổi mô hình mới. Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, cần nghiên cứu các biện pháp thúc đẩy mối liên kết dọc giữa hộ nông dân với hợp tác xã, công ty, doanh nghiệp. Đồng thời, nhân rộng mô hình trồng lúa liên kết

Nguồn: Phỏng vấn hộ (2020)



theo tiêu chuẩn VietGAP nhằm thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững và nâng cao giá trị gia tăng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1. Tài liệu tiếng Việt

Chi cục thống kê khu vực Quảng Trạch - Ba Đồn. (2020). *Niên giám thống kê thị xã Ba Đồn 2020*. Quảng Bình: Nhà xuất bản Cục thống kê tỉnh Quảng Bình.

Lê Thanh Phong và Hà Minh Tâm. (2015). Ảnh hưởng môi trường của ba mô hình canh tác lúa cánh đồng mẫu lớn, GAP và truyền thống ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học*, 38(2), 64-75.

Nguyễn Văn Đức, Trần Thị Hải Tú và Châu Võ Trung Thông. (2021). Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 130(3A), 55-67.

Ngân hàng thế giới. (2016). *Chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam: Tăng giá trị, giảm đầu vào*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Hoàng Xuân Phương và Hồ Thị Lam Trà. (2015). *Giải pháp hợp nhất đất nông nghiệp ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Ngô Thu Trang và Lê Thế Phúc. (2020). *Tích tụ, tập trung đất đai ở Việt Nam- Lý luận và pháp luật hiện hành*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thanh Niên.

Vũ Anh Pháp, Lê Thành Phiêu và Bùi Chúc Ly. (2021). Hiệu quả sản xuất lúa gạo theo hướng VietGAP tại Đồng bằng sông Cửu Long. *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 63(10), 1-4.

Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiên. (2020). *Báo cáo tình hình sử dụng đất và tình hình kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020*. Quảng Bình.

### 2. Tài liệu nước ngoài

Thomas, M. (2017). Land issues: Markets, property rights, and investment in Finn Tarp (ed), *Growth, Structural Transformation and Rural Change in Viet Nam: A Rising Dragon on the Move*, New York, USA: Oxford University Press, 117-138.